TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày: 22-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Kim Oanh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

2- Ông **Mai Văn Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Ngọc –** Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa*:**

Ông **Phạm Tuấn Kiệt –** Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Huyện, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/HSST - QĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Võ Văn T**, sinh năm 1983; tại Vĩnh Long; HKTT và chỗ ở ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 03/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Võ Văn B, sinh năm 1955 (còn sống) và bà Lê Thị M, sinh năm 1955 (còn sống); vợ, con chưa có; có 03 tiền án (Ngày 13/6/2006 bị Tòa án huyện Tân Phú, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 09/4/2008 bị Tòa án huyện Tân Phú, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 13/4/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 08 năm tù giam về tội "Cướp tài sản"), tiền sự không; nhân thân: ngày 20/6/2001 bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xử phạt 12 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/02/2002; tạm giữ 29/01/2018; tạm giam ngày 07/02/2018, bị cáo còn bị tạm giam và có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Văn K**, sinh ngày 24/3/2000; tại Vĩnh Long; HKTT và chỗ ở ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 05/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Võ Văn B, sinh năm 1955 (còn sống) và bà Lê Thị M, sinh năm 1955 (còn sống); vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự không; bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

Phan Thị B - sinh năm: 1990. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện T, Đồng Tháp.

** Người làm chứng:*

1. **Nguyễn Hoàng E** - sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện H, Cà Mau.

2. **Phan Văn A** - sinh năm: 1967. (có mặt)

3. **Bùi Hoài D** - sinh năm: 2009. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện T, Đồng Tháp.

** Người đại diện theo pháp luật của Hoài Thanh:*

Bùi Văn C - sinh năm: 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện T, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 28/01/2018 ông Phan Văn A sau khi đã có uống rượu ở nhiều nơi thì rủ Võ Văn T đến nhà con gái của mình tên Phan Thị B (địa chỉ ấp 5, xã Đ, huyện T) để tiếp tục tổ chức uống rượu. Một lúc sau, thì có Lê Văn K (em ruột của T), Nguyễn Hoàng E (em vợ của T) đến vào nhà ngồi uống rượu chung, vị trí bàn nhậu trước nhà của chị B. Lúc này, chị B lấy máy tính bảng Samsung Galaxy Tab 3 màu trắng để trên tủ lạnh sạc pin rồi đi đến nhà của gia đình chồng, cách đó khoảng 300 mét để ru con ngủ, sau đó con chị B là Bùi Hoài D lấy máy tính bảng chơi game rồi bỏ trên giường ngủ trong nhà.

Uống rượu khoảng 30 phút, thì T đi vệ sinh, trong lúc vào nhà đi vệ sinh T nhìn thấy máy tính bảng để trên giường ngủ của chị B nên nảy sinh ý định trộm. Vệ sinh xong đi trở ra thì T lén lúc lấy trộm máy tính bảng giấu vào áo phía trước bên phải đi ra bàn nhậu, T đứng đối diện với ông A và trước mặt K, sau đó di chuyển máy tính bảng ra sau lưng kêu K đem cất giấu, biết T trộm được tài sản, K lấy máy tính bảng lén lúc đem ra ngoài bụi chuối cách nhà chị B khoảng 30 mét cất giấu, mục đích không ai để ý vài ngày sau sẽ quay trở lại lấy. Giấu tài sản xong K quay trở lại bàn ngồi uống rượu tiếp, thấy Bùi Hoài D đi tìm máy tính bảng Tài sợ bị phát hiện nên kêu T, Hoàng E đi về nhà trọ ngủ.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút, chị B trở lại nhà nghe D nói mất máy tính bảng nên chị B nghi ngờ T lấy nên trình báo Công an xã Đ. Qua quá trình làm việc, K thừa nhận hành vi phạm tội nên dẫn lực lượng Công an đến địa điểm cất giấu máy tính bảng để thu giữ.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 02, ngày 31/01/2018 của Hội đồng

định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười kết luận: Máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab 3 màu trắng trị giá 2.900.000 đồng.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Chị Phan Thị B đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu gì thêm.

- Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab 3 màu trắng của bị cáo Lê Văn K giao nộp. Xét thấy, không cần thiết tạm giữ, Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chị Phan Thị B.

- **Về dân sự**: Chị Phan Thị B đã nhận lại tài sản bị mất trộm không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản Cáo trạng số 15/CT-VKSTM ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, đã truy tố bị cáo Võ Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015) và bị cáo Lê Văn K về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với các bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Căn cứ Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Võ Văn T, Lê Văn K phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

+ Về hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: Bị cáo Võ Văn T từ 03 đến 04 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Lê Văn K từ 06 đến 09 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã giải quyết xong.

- Bị cáo T, bị cáo K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản Cáo trạng đã truy tố.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của hai bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, hai bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T, bị cáo K thừa nhận: Vào ngày 28/01/2018 bị cáo T và bị cáo K có đến nhà ông A uống rượu. Trong lúc vào nhà đi vệ sinh bị cáo T nhìn thấy máy tính bảng để trên giường ngủ của chị B nên nảy sinh ý định trộm. Khi đi vệ sinh xong đi trở ra thì bị cáo T lén lúc lấy trộm máy tính bảng giấu vào áo phía trước bên phải đi ra bàn nhậu và sau đó di chuyển máy tính bảng ra sau lưng kêu bị cáo K đem cất giấu, biết bị cáo T trộm được tài sản, bị cáo K lấy máy tính bảng lén lúc đem ra ngoài bụi chuối, cách nhà chị B khoảng 30 mét cất giấu. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 2.900.000 đồng (theo Bản Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 31/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười). Xét lời khai của hai bị cáo phù hợp với nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người bị hại và người làm chứng, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Do đó, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười truy tố hai bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm.

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh ,trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

……

g) Tái phạm nguy hiểm.

[4] Xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, nhưng cần phân tích hành vi của từng bị cáo, để có mức hình phạt đối với từng bị cáo.

[5] Xét bị cáo T có một nhân thân xấu, trong khoảng thời gian từ năm 2001 đến năm 2011, bị cáo đã 04 lần bị Tòa án kết án và đều phải chấp hành án phạt tù. Đáng lý ra, sau khi chấp hành xong các Bản án trên trở về địa phương, bị cáo phải biết chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước và đặc biệt là phải biết tôn trọng tài sản của người khác. Nhưng, bị cáo vẫn không biết hối cải, vẫn xem thường pháp luật, tiếp tục vấn thân vào con đường phạm tội. Bị cáo không những trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội mà còn xúi giục bị cáo K là người dưới 18 tuổi phạm tội. Do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 để có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Đối với bị cáo K khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhưng bị cáo nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Khi biết bị cáo T lấy trộm tài sản của người khác đáng lẽ ra bị cáo K phải can ngăn nhưng ở đây bị cáo không những không can ngăn mà còn giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Hành vi của hai bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[8] Do đó, việc đưa hai bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, cần xử phạt tù hai bị cáo một thời gian, để hai bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt và sống có ích cho xã hội. Đồng thời, góp phần phòng ngừa trong toàn xã hội.

[9] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tình tiết *"Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Lúc phạm tội là người dưới 18 tuổi"* để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo K là phù hợp với điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Riêng, bị cáo T Hội đồng xét xử xem xét tình tiết "*Thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin bãi nại"* là các tình tiết giảm nhẹ, được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[10] **Về trách nhiệm dân sự**:

- Người bị hại Phan Thị B đã nhận lại tài sản và tại phiên tòa không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] **Về vật chứng**: Đã giải quyết xong.

[12] Hai bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Hai bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T và bị cáo Lê Văn K phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2/- Xử phạt:

- Áp dụng khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Võ Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/01/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Lê Văn K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3/- Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Văn T và bị cáo Lê Văn K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Hai bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS Tỉnh, Huyện;
- Tòa án Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (Ngọc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Kim Oanh